

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-PT

Ngày 06-4-2021

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Chuyên

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2021/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Lê Thị N, sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ 5, khu phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

***Bị đơn:** Ông Hà Văn Th, sinh năm: 1983

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986

Cùng trú tại: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Vào ngày 06 tháng 11 năm 2018 bà N có cho vợ chồng ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 3.700.000.000đ (*Ba tỷ bảy trăm triệu đồng*), vay không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì, không tính lãi suất.

Hình thức trả như sau: Vào các ngày 06 hàng tháng tính từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019 hàng tháng bà H, ông Th phải trả cho bà N số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*). Trong thời gian hết tháng 9/2019 không tính lãi suất đối với khoản vay. Tuy nhiên, đến thời điểm tháng 9/2019 thì bà H và ông Th mới trả cho bà N được số tiền 2.560.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng*), số tiền ông Th, bà H còn nợ lại là 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*). Kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2019 cho đến nay ông Th và bà H vẫn chưa trả cho bà N được thêm khoản tiền gốc và lãi nào mặc dù bà đã liên hệ và đòi nhiều lần.

Nay, bà Lê Thị N yêu cầu ông Hà Văn Th và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà N số tiền 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*), và số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 cho đến khi ông Th bà H trả hết nợ.

Ông Huỳnh Văn L là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th, trình bày:

Ông thông nhất như lời trình bày của bà N về khoản tiền vay 3.700.000.000đ (*ba tỷ bảy trăm triệu đồng*) hiện nay ông Th, bà H còn nợ lại của bà N là 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), giữa các bên vay mượn không tính lãi suất và không thế chấp tài sản gì.

Nguồn gốc của số tiền bà H, ông Th vay mượn của bà N xuất phát từ việc bà H, ông Th có vay tiền của bà Th, bà Th lúc này nợ tiền của bà N. Sau đó các bên thống nhất cân trừ số nợ 3.700.000.000đ (*ba tỷ bảy trăm triệu đồng*) bà H, ông Th nợ của bà Th sang cho bà N để ông Th, bà H trả cho bà N. Bà H và ông Th có ghi giấy nhận nợ cho bà N với nội dung hẹn thời gian như bà N trình bày.

Trong quá trình trả nợ thì bà và ông Th đã trả cho bà N được số tiền 2.700.000.000đ (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*), số tiền ông Th bà H còn nợ lại là 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*).

Nay hoàn cảnh bà H, ông Th rất khó khăn nên bà H, ông Th xin chỉ trả bà N trả số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) và đề nghị bà N không tính lãi suất và xin được trả nợ trong thời hạn 05 tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th phải trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ gốc và lãi là 1.288.517.000đ (*Một tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 148.517.000đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà H thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị nguyên đơn bà N giảm bớt số nợ gốc hoặc tiền lãi.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà H thống nhất còn nợ lại nguyên đơn bà N số tiền gốc 1.140.000.000 đồng. Trên cơ sở giấy vay tiền lập ngày 06/11/2018 giữa bà Lê Thị N với ông Hà Văn Th, bà Nguyễn Thị H, số tiền vay này xuất phát từ việc cần trừ nợ giữa các bên và hiện nay ông Th, bà H còn nợ gốc 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*), nguyên đơn bà N yêu cầu bị đơn ông Th, bà H phải trả số nợ trên, bên phía bị đơn bà H hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin nguyên đơn tạo điều kiện giảm bớt số tiền gốc hoặc tiền lãi để cho bị đơn có cơ hội trả nợ. Tuy nhiên ý kiến trên của bị đơn bà H không được nguyên đơn bà N đồng ý. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ tài liệu, buộc bị đơn ông Th, bà H phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 148.517.000đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*). Tổng số tiền 1.288.517.000đ (*Một tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*) là có căn cứ phù

hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác nên kháng cáo của bị đơn không được HĐXX chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của TAND thành phố Đ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th phải trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ gốc và lãi là 1.288.517.000đ (*Một tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 1.140.000.000đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 148.517.000đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị N không phải chịu. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0025218 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th phải chịu là 25.328.000đ (*Hai*

mười lăm triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), bà H, ông Th đã được giảm ½ án phí do có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026052 ngày 03/02/2021 của Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh